

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

1. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

Tên sản phẩm : Oxytetracycline (40%) Formulation

Mã sản phẩm : Baymet

Thông tin nhà cung cấp (nhập khẩu; sản xuất; phân phối)

Công ty : MSD

Địa chỉ : Lot F, Loc An Binh Son Industrial Park, Long An Commune,
Long Thanh District,
Dong Nai Province, Vietnam 76200

Điện thoại : 0251 354 5925

Số điện thoại liên hệ trong
trường hợp khẩn cấp : +1-908-423-6000

Địa chỉ e-mail : EHSDATASTEWARD@msd.com

Mục đích sử dụng và hạn chế khi sử dụng

Mục đích sử dụng : sản phẩm thú y

Hạn chế khi sử dụng : Không áp dụng được

2. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT**Phân loại theo GHS**

Nhạy cảm với da : Cấp 1

Độc tính sinh sản : Cấp 1A

Nguy hại cấp tính đối với môi
trường thủy sinh : Cấp 1

Nguy hại mãn tính đối với môi
trường thủy sinh : Cấp 1

Các yếu tố nhãn theo GHS

Hình đồ cảnh báo nguy cơ :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy hiểm : H317 Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.
H360D Có thể có hại đến trẻ chưa sinh.

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

H410 Rất độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài.

Các lưu ý phòng ngừa

Biện pháp phòng ngừa:

P201 Tìm đọc các hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
P202 Không được thao tác hoặc sử dụng cho tới khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc kỹ và hiểu rõ.
P261 Tránh hít phải bụi.
P272 Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra khỏi nơi làm việc.
P273 Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường.
P280 Đeo găng tay bảo hộ/ mặc quần áo bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

Biện pháp ứng phó:

P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.
P308 + P313 NẾU đã bị hoặc có lo lắng đến phơi nhiễm: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P333 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da hoặc nổi mẩn: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.
P362 + P364 Cởi bỏ quần áo bị nhiễm độc và giặt sạch trước khi sử dụng.
P391 Thu hồi chất tràn đổ.

Lưu trữ:

P405 Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.

Việc thải bỏ:

P501 Tiêu hủy thành phần bên trong/ thùng chứa hóa chất tại cơ sở xử lý chất thải đủ tiêu chuẩn.

Các thông tin nguy hại khác (nếu có, ví dụ: bụi nổ..)

Khi tiếp xúc với mắt bụi có thể gây kích ứng cơ học.
Tiếp xúc với bụi có thể gây kích ứng cơ học hoặc làm khô da
Có thể hình thành hỗn hợp bụi dễ cháy nổ trong không khí trong quá trình pha chế, xử lý hoặc quá trình khác.

3. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Đơn chất / Hỗn hợp chất : Hỗn hợp chất

Thành phần

Tên hóa học	Số CAS	Nồng độ (% w/w)
Oxytetracycline	79-57-2	>= 40 -< 60
Tinh bột	9005-25-8	>= 13 -< 15

4. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

Lời khuyên chung : Trong trường hợp tai nạn hoặc bạn cảm thấy không khỏe, hãy đi khám ngay lập tức.

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp	:	Khi triệu chứng kéo dài hoặc trong mọi trường hợp nghi ngờ hãy tìm đến tư vấn y tế. Nếu hít phải, di chuyển ngay ra nơi không khí trong lành. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế.
Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da	:	Trong trường hợp bị chạm phải, ngay lập tức rửa sạch da bằng xà phòng và thật nhiều nước. Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế. Giặt sạch quần áo trước khi tái sử dụng, Giặt sạch giày trước khi tái sử dụng
Trường hợp tai nạn khi tiếp xúc với mắt	:	Nếu bị văng vào mắt, hãy rửa sạch bằng nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu vùng kích ứng lan rộng và dai dẳng.
Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa	:	Nếu nuốt phải, không được gây nôn. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế. Xúc miệng kỹ bằng nước
Các triệu chứng/tác hại nghiêm trọng tức thời và ảnh hưởng sau này	:	Tiếp xúc với bụi có thể gây kích ứng cơ học hoặc làm khô da Khi tiếp xúc với mắt bụi có thể gây kích ứng cơ học. Có thể gây ra phản ứng dị ứng da. Có thể có hại đến trẻ chưa sinh.
Bảo vệ người sơ cứu	:	Các bộ phát đáp Sơ cứu nên chú ý đến tự bảo vệ và sử dụng phương tiện bảo vệ cá nhân được đề nghị khi khả năng tiếp xúc tồn tại (xem phần 8).
Lưu ý đối với bác sỹ điều trị	:	Điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ

5. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

Các phương tiện chữa cháy thích hợp	:	Bụi nước Bọt chịu cồn. Carbon điôxit (CO ₂) Hóa chất khô
Các phương tiện chữa cháy không thích hợp	:	Được biết là chưa xảy ra.
Các nguy hiểm cụ thể khi chữa cháy	:	Tránh tạo ra bụi; bụi phân tán trong không khí ở nồng độ đủ lớn và trong điều kiện có nguồn gây cháy thì có nguy cơ gây ra cháy nổ. Phơi nhiễm với các sản phẩm dễ cháy có thể nguy hại đối với sức khỏe.
Các chất độc được sinh ra khi bị cháy	:	Carbon ôxit
Các phương pháp cứu hỏa cụ thể	:	Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh. Sử dụng bụi nước để làm mát các bình chứa không mở. Di chuyển các thùng chứa chưa bị hư hại ra khỏi khu vực đám cháy nếu việc này không gây nguy hiểm. Sơ tán toàn bộ khu vực.
Thiết bị bảo hộ đặc biệt dành	:	Trong trường hợp hỏa hoạn, đeo các dụng cụ thở cá nhân.

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0 Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14 MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003 Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24

cho lính cứu hỏa

Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân.

6. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

- Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố : Sử dụng các thiết bị bảo hộ cá nhân. Làm theo lời khuyên về xử lý an toàn (xem phần 7) và khuyến nghị về thiết bị bảo vệ cá nhân (xem phần 8).
- Các cảnh báo về môi trường : Tránh thải sản phẩm hóa chất ra môi trường. Ngăn ngừa việc rò rỉ hoặc tràn đổ tiếp theo nếu việc việc làm này an toàn. Giữ lại và tiêu hủy nước rửa bị nhiễm bẩn. Các nhà chức trách địa phương cần được thông báo nếu xảy ra sự cố tràn đổ lớn không thể kiểm soát được.
- Biện pháp, vật liệu vệ sinh sau khi xảy ra sự cố : Quét hoặc hút các vật liệu bị đổ và thu gom vào bình chứa thích hợp để tiêu hủy. Tránh gây phân tán bụi trong không khí (ví dụ như làm sạch bề mặt có bụi bằng không khí nén). Không để bụi tích tụ trên các bề mặt bởi vì chúng có thể tạo thành hỗn hợp gây nổ nếu chúng được giải phóng ra không khí ở nồng độ đủ lớn. Các quy định của quốc gia hoặc địa phương có thể phải áp dụng khi thải loại hoặc tiêu hủy chất này, cũng như đối với các chất trên và các vật liệu được sử dụng trong việc làm sạch chất thải. Bạn sẽ cần xác định các quy định nào cần phải được áp dụng. Mục 13 và 15 của SDS này cung cấp thông tin liên quan đến các quy định quốc gia và địa phương.

7. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG, BẢO QUẢN

- | | | |
|---|---|--|
| Các biện pháp kỹ thuật | : | Hiện tượng tĩnh điện có thể tích tụ và đốt cháy bụi lơ lửng gây ra cháy nổ.
Cung cấp các cảnh báo thích hợp, ví dụ như sự tiếp đất và liên kết với điện, hoặc không khí trợ. |
| Thông gió cục bộ/toàn bộ | : | Nếu không có hệ thống thông khí hiệu quả, hãy sử dụng cùng với hệ thống thông khí thải tại chỗ. |
| Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm | : | Không để lên da hoặc quần áo.
Tránh hít phải bụi.
Không được nuốt.
Tránh tiếp xúc với mắt.
Xử lý theo hành động an toàn và vệ sinh công cộng, dựa trên kết quả đánh giá phơi nhiễm tại nơi làm việc.
Đóng chặt thùng chứa.
Giảm thiểu việc tạo thành và tích tụ bụi.
Giữ thùng chứa đóng kín khi không sử dụng
Đề xa các nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy.
Thực hiện các biện pháp phòng ngừa để tránh sự phóng tĩnh |

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

điện.
Chú ý phòng ngừa hiện tượng tràn ra ngoài, hao hụt và giảm thiểu thải ra môi trường.

Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản : Chứa trong các thùng có dán nhãn đúng.
Phải khóa cẩn thận khi lưu trữ.
Đóng kín.
Lưu trữ theo các quy định đặc biệt của quốc gia.

Các chất cần tránh bảo quản chung : Không cất giữ với các loại sản phẩm sau đây:
Các chất oxy hóa mạnh

8. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM/YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

Các thành phần có các thông số cần kiểm soát tại nơi làm việc

Thành phần	Số CAS	Loại giá trị (Dạng phơi nhiễm)	Các thông số kiểm soát / Nồng độ cho phép	Cơ sở
Oxytetracycline	79-57-2	TWA	500 µg/m3 (OEB 2)	Nội tại
Thông tin khác: DSEN				
		Xóa bỏ giới hạn	100 µg/100 cm ²	Nội tại
Tinh bột	9005-25-8	TWA	10 mg/m3	ACGIH

Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp : Sử dụng biện pháp kiểm soát kỹ thuật khả thi để tối thiểu hóa việc tiếp xúc với hợp chất.
Tất cả các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phải được thực hiện bởi cơ sở thiết kế và phải được thao tác theo các nguyên tắc GMP để bảo vệ sản phẩm, công nhân cũng như môi trường.

Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân

Bảo vệ hô hấp : Nếu không có hệ thống thông khí thải tại chỗ phù hợp hay đánh giá phơi nhiễm cho thấy mức phơi nhiễm vượt ngưỡng được đề xuất, hãy sử dụng thiết bị bảo vệ hô hấp.

Bộ lọc loại : Loại hạt

Bảo vệ tay : Găng tay chống hóa chất

Vật liệu :

Bảo vệ mắt : Đeo kính an toàn có phần bảo vệ rìa mắt.
Nếu môi trường làm việc hoặc hoạt động có điều kiện khói bụi, sương mù hoặc sol khí, hãy đeo kính phù hợp.
Đeo mặt nạ hoặc thiết bị bảo vệ toàn bộ khuôn mặt khác nếu có khả năng khuôn mặt tiếp xúc trực tiếp với khói bụi, sương mù hoặc sol khí.

Bảo vệ da và cơ thể : Mặc đồng phục hoặc áo choàng phòng thí nghiệm.

Các biện pháp vệ sinh : Nếu có nguy cơ phơi nhiễm hóa chất trong khi sử dụng bình thường, hãy cung cấp hệ thống vòi rửa mắt và vòi sen an toàn gần nơi làm việc.
Không được ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng.
Không nên mang quần áo lao động đã nhiễm hóa chất ra

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

khỏi nơi làm việc.

Giặt sạch quần áo đã nhiễm hóa chất trước khi tái sử dụng.
Vận hành hiệu quả một cơ sở phải bao gồm đánh giá các biện pháp kiểm soát kỹ thuật, thiết bị bảo vệ cá nhân phù hợp, quy trình khử trùng và cởi quần áo nhiễm hóa chất phù hợp, kiểm soát vệ sinh công nghiệp, giám sát y tế và sử dụng biện pháp kiểm soát hành chính.

9. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái	:	bột
Màu sắc	:	màu xanh lá cây đậm
Mùi đặc trưng	:	chưa có dữ liệu
Ngưỡng mùi	:	chưa có dữ liệu
Độ pH	:	chưa có dữ liệu
Điểm/khoảng nóng chảy/đông đặc	:	chưa có dữ liệu
Điểm sôi/khoảng sôi ban đầu	:	chưa có dữ liệu
Điểm cháy	:	Không áp dụng được
Tỷ lệ hóa hơi	:	Không áp dụng được
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	:	Có thể hình thành hỗn hợp bụi dễ cháy nổ trong không khí trong quá trình pha chế, xử lý hoặc quá trình khác.
Tính dễ cháy (chất lỏng)	:	Không áp dụng được
Giới hạn trên của cháy nổ / Giới hạn trên của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Giới hạn dưới của cháy nổ / Giới hạn dưới của sự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	:	Không áp dụng được
Tỷ trọng hơi tương đối	:	Không áp dụng được
Tỷ trọng tương đối	:	chưa có dữ liệu
Khối lượng riêng	:	chưa có dữ liệu
Độ hòa tan Độ hòa tan trong nước	:	chưa có dữ liệu

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

Hệ số phân tán: n-octanol/nước	:	Không áp dụng được
Nhiệt độ tự bốc cháy	:	chưa có dữ liệu
Nhiệt độ phân hủy	:	chưa có dữ liệu
Độ nhớt	:	
Độ nhớt, động học	:	Không áp dụng được
Đặc tính cháy nổ	:	Không gây nổ
Đặc tính oxy hóa	:	Chất hoặc hỗn hợp không được phân loại là chất oxy hóa.
Trọng lượng phân tử	:	chưa có dữ liệu
Đặc điểm hạt	:	
Kích thước hạt	:	chưa có dữ liệu

10. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

Khả năng phản ứng	:	Không thuộc loại nguy hại phản ứng.
Tính ổn định	:	Ổn định trong các điều kiện thông thường.
Phản ứng nguy hiểm	:	Có thể hình thành hỗn hợp bụi dễ cháy nổ trong không khí trong quá trình pha chế, xử lý hoặc quá trình khác. Có thể phản ứng với các chất oxy hóa mạnh.
Các điều kiện cần tránh	:	Nhiệt, lửa và tia lửa. Tránh tạo ra bụi.
Vật liệu không tương thích	:	Chất oxy hóa
Phản ứng phân hủy và các sản phẩm độc của phản ứng phân hủy	:	Không sản phẩm phân hủy nguy hại nào được biết đến.

11. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Đường tiếp xúc	:	Hít phải Tiếp xúc với da Ăn uống Tiếp xúc với mắt
----------------	---	--

Độc cấp tính

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**Oxytetracycline:**

Độc tính cấp theo đường miệng	:	LD50 (Chuột): 4.800 mg/kg LD50 (Chuột nhắt): 2.240 mg/kg
-------------------------------	---	---

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

Ghi chú: Quan sát thấy bằng chứng nhiễm độc ánh sáng

Độc tính cấp do hít phải	: Ghi chú: chưa có dữ liệu
Độc tính cấp qua da	: Ghi chú: chưa có dữ liệu
Độc tính cấp (các nguồn khác)	: LD50 (Chuột): 4.840 mg/kg Lộ trình ứng dụng: Tiêm bắp
	: LD50 (Chuột nhắt): 3.500 mg/kg Lộ trình ứng dụng: Dưới da

Tinh bột:

Độc tính cấp theo đường miệng	: LD50 (Chuột): > 5.000 mg/kg
Độc tính cấp qua da	: LD50 (Thỏ): > 2.000 mg/kg

Ăn mòn/kích ứng da

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Oxytetracycline:

Ghi chú	: chưa có dữ liệu
---------	-------------------

Tổn thương mắt nghiêm trọng/kích ứng mắt

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Oxytetracycline:

Ghi chú	: chưa có dữ liệu
---------	-------------------

Tinh bột:

Loại	: Thỏ
Kết quả	: Không gây kích ứng mắt

Kích thích hô hấp hoặc da

Nhạy cảm với da

Có thể gây ra phản ứng dị ứng da.

Nhạy cảm với hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:

Oxytetracycline:

Loại kiểm nghiệm	: Xét nghiệm ráp nối kết quả lặp lại ở người (HRIPT)
------------------	--

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

Kết quả : Chất gây mẫn cảm

Tinh bột:

Loại kiểm nghiệm	: Thử nghiệm cực đại
Đường tiếp xúc	: Tiếp xúc với da
Loài	: Chuột lang
Kết quả	: Âm tính

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen)

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**Oxytetracycline:**

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm	: Loại kiểm nghiệm: Phân tích đột biến vi sinh vật (Thử nghiệm Ames) Kết quả: Âm tính
---	--

Loại kiểm nghiệm: U lym phô chuột

Sự hoạt hóa trao đổi chất: Sự hoạt hóa trao đổi chất

Kết quả: Dương tính

Loại kiểm nghiệm: thí nghiệm trao đổi nhiễm sắc tử chị em

Hệ thống thử nghiệm: các tế bào trứng của chuột đồng Trung quốc

Kết quả: không chắc chắn

Loại kiểm nghiệm: Sai lệch nhiễm sắc thể

Kết quả: Âm tính

Độc tính gây đột biến gen trong cơ thể	: Loại kiểm nghiệm: Kiểm tra vi hạt nhân Loài: Chuột nhắt
---	--

Loại tế bào: Tủy xương

Lộ trình ứng dụng: Đường miệng

Kết quả: không chắc chắn

Loại kiểm nghiệm: Thí nghiệm trên cơ thể sống

Loài: Chuột nhắt

Lộ trình ứng dụng: Bơm vào trong màng bụng

Kết quả: Âm tính

Đột biến tế bào mầm (tế bào gen) - Đánh giá	: Trọng số bằng chứng không đủ khẳng định xếp loại là biến đổi tế bào mầm.
---	--

Tinh bột:

Độc tính gây đột biến gen trong ống thí nghiệm	: Loại kiểm nghiệm: Khảo nghiệm đột biến đảo ngược vi khuẩn (AMES) Kết quả: Âm tính
---	--

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

Tác nhân gây ung thư

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Thành phần:**Oxytetracycline:**

Loài	:	Chuột nhắt
Lộ trình ứng dụng	:	Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm	:	104 Tuần
Kết quả	:	Âm tính
Loài	:	Chuột
Lộ trình ứng dụng	:	Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm	:	103 Tuần
Kết quả	:	không chắc chắn
Các cơ quan đích	:	Tuyến thượng thận, Tuyến yên
Ghi chú	:	Cơ chế hoặc cách thức tác động có thể không thích hợp ở người.

Tác nhân gây ung thư - Đánh giá : Các bằng chứng thu được không ủng hộ phép phân loại chất này là một chất gây ung thư

Độc tính sinh sản

Có thể có hại đến trẻ chưa sinh.

Thành phần:**Oxytetracycline:**

Ảnh hưởng đến khả năng sinh sản	:	Loại kiểm nghiệm: Nghiên cứu độc tính cho sinh sản ở 2 thế hệ Loài: Chuột Lộ trình ứng dụng: Đường miệng Khả năng sinh sản: NOAEL: 18 mg/kg trọng lượng cơ thể Kết quả: Không ảnh hưởng đến khả năng sinh sản., Không ảnh hưởng đến khả năng sinh sản., Không có tác dụng phụ đáng kể nào
Ảnh hưởng đến sự phát triển của thai	:	Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai Loài: Chuột Lộ trình ứng dụng: Đường miệng Gây độc đối với phôi thai.: LOAEL: 48 mg/kg trọng lượng cơ thể Kết quả: Hồng phôi sau cấy ghép., Các dị tật về xương. Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai Loài: Chuột Lộ trình ứng dụng: Đường miệng Tính độc hại đối với người mẹ: LOAEL: 1.200 mg/kg trọng lượng cơ thể Gây độc đối với phôi thai.: NOAEL: 1.500 mg/kg trọng lượng cơ thể

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

Kết quả: Không gây quái thai.
Ghi chú: Nhiễm độc người mẹ quan sát được

Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai
Loài: Chuột nhắt
Lộ trình ứng dụng: Đường miệng
Tính độc hại đối với người mẹ: LOAEL: 1.325 mg/kg trọng lượng cơ thể
Gây độc đối với phôi thai.: NOAEL: 2.100 mg/kg trọng lượng cơ thể
Kết quả: Không gây quái thai.
Ghi chú: Nhiễm độc người mẹ quan sát được

Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai
Loài: Thỏ
Lộ trình ứng dụng: Tiêm bắp
Gây độc đối với phôi thai.: LOAEL: 41,5 mg/kg trọng lượng cơ thể
Kết quả: Hồng phôi sau cấy ghép., Không gây dị tật thai.

Loại kiểm nghiệm: Sự phát triển phôi thai
Loài: Chó
Lộ trình ứng dụng: Tiêm bắp
Gây độc đối với phôi thai.: LOAEL: 20,75 mg/kg trọng lượng cơ thể
Kết quả: Các biến đổi về xương và nội tạng., Hồng phôi sau cấy ghép.

Độc tính sinh sản - Đánh giá : Bảng chứng dương tính về những ảnh hưởng có hại đối với sự phát triển từ các nghiên cứu dịch tễ học trên người.

STOT - Tiếp xúc một lần

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

STOT - Tiếp xúc lặp lại

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Lượng độc lặp lại**Thành phần:****Oxytetracycline:**

Loài	:	Chuột
LOAEL	:	198 mg/kg
Lộ trình ứng dụng	:	Đường miệng
Thời gian phơi nhiễm	:	13 Weeks
Các cơ quan đích	:	Xương
Ghi chú	:	Không có tác dụng phụ đáng kể nào

Loài	:	Chuột nhắt
LOAEL	:	7.990 mg/kg
Lộ trình ứng dụng	:	Đường miệng

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

Thời gian phơi nhiễm : 13 Weeks
 Các cơ quan đích : Xương
 Ghi chú : Không có tác dụng phụ đáng kể nào

Loài : Chó
 NOAEL : 125 mg/kg
 LOAEL : 250 mg/kg
 Lộ trình ứng dụng : Đường miệng
 Thời gian phơi nhiễm : 12 Months
 Các cơ quan đích : Tinh hoàn
 Ghi chú : Độc tính đáng kể quan sát được trong thử nghiệm

Loài : Chuột
 NOAEL : 40 mg/kg
 LOAEL : 100 mg/kg
 Lộ trình ứng dụng : Trong màng bụng
 Thời gian phơi nhiễm : 14 Days
 Các cơ quan đích : Thận

Tinh bột:

Loài : Chuột
 NOAEL : ≥ 2.000 mg/kg
 Lộ trình ứng dụng : Tiếp xúc với da
 Thời gian phơi nhiễm : 28 Days
 Phương pháp : Hướng dẫn xét nghiệm OECD 410

Độc tính hô hấp

Không được phân loại dựa trên thông tin có sẵn.

Kinh nghiệm với phơi nhiễm trên người**Thành phần:****Oxytetracycline:**

Nuốt phải : Triệu chứng: Rối loạn đường ruột, răng xỉn màu
 Ghi chú: Có thể gây ra dị dạng ở trẻ sơ sinh

12. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI**Độc môi trường****Thành phần:****Oxytetracycline:**

Độc đối với cá : LC50 (Oryzias latipes (biết đến với cá mòi Nhật Bản)): 110 mg/l
 Thời gian phơi nhiễm: 96 h
 Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 203

Độc tính đối các loài giáp xác : EC50 (Daphnia magna (Bọ nước)): 621 mg/l

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

và các động vật không
xương sống thủy sinh khác

Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

EC50 (*Moina macrocopa* (Bọ nước)): 126,7 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 48 h
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 202

Độc tính đối với tảo/thực vật
dưới nước

: EC50 (*Anabaena*): 0,032 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

NOEC (*Anabaena*): 0,0031 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 72 h

Nhân tố M (Nguy hại cấp tính
đối với môi trường thủy sinh)

: 10

Nhân tố M (Nguy hại mãn
tính đối với môi trường thủy
sinh)

: 10

Độc tính đối với các vi sinh
vật

: EC50 (*Than hoạt tính*): 17,9 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 3 h
Loại kiểm nghiệm: Ủc chế hô hấp
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209

NOEC (*Than hoạt tính*): 0,2 mg/l
Thời gian phơi nhiễm: 3 h
Loại kiểm nghiệm: Ủc chế hô hấp
Phương pháp: Hướng dẫn xét nghiệm OECD 209

Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy

chưa có dữ liệu

Khả năng tích lũy sinh học

chưa có dữ liệu

Độ linh động trong đất

chưa có dữ liệu

Các tác hại khác

chưa có dữ liệu

13. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ**Các biện pháp thải bỏ**

Chất thải từ cặn	: Không thải loại chất thải vào các hệ thống thoát nước thải Loại bỏ theo quy định của địa phương
Bao bì nhiễm độc	: Các thùng chứa rỗng cần được đưa tới cơ sở đủ tiêu chuẩn để tái chế hoặc loại bỏ Nếu không được quy định khác: Xử lý như đối với sản phẩm chưa sử dụng.

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

14. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Quy định Quốc tế

UNRTDG

Số hiệu UN	:	UN 3077
Tên vận chuyển thích hợp	:	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (Oxytetracycline)
Hạng	:	9
Nhóm hàng	:	III
Nhãn	:	9
Nguy hại với môi trường	:	có

IATA-DGR

Số UN/ID	:	UN 3077
Tên vận chuyển thích hợp	:	Environmentally hazardous substance, solid, n.o.s. (Oxytetracycline)
Hạng	:	9
Nhóm hàng	:	III
Nhãn	:	Miscellaneous
Hướng dẫn đóng gói (hàng hóa máy bay)	:	956
Hướng dẫn đóng gói (hành khách máy bay)	:	956
Nguy hại với môi trường	:	có

Mã IMDG

Số hiệu UN	:	UN 3077
Tên vận chuyển thích hợp	:	ENVIRONMENTALLY HAZARDOUS SUBSTANCE, SOLID, N.O.S. (Oxytetracycline)
Hạng	:	9
Nhóm hàng	:	III
Nhãn	:	9
Mã EmS	:	F-A, S-F
Chất ô nhiễm đại dương	:	có

Vận chuyển trong tàu lớn theo như Phụ lục II của Công ước MARPOL 73/78 và Bộ luật IBC
Không áp dụng cho sản phẩm khi được cung cấp.

Những cảnh báo đặc biệt mà người sử dụng cần lưu ý

Phân loại vận chuyển được nêu ở đây chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin và chỉ phụ thuộc vào thành phần của nguyên liệu chưa đóng gói như được mô tả trong Phiếu An Toàn Hóa Chất. Phân loại vận chuyển có thể thay đổi tùy theo phương tiện vận chuyển, kích thước bao bì và nhiều yếu tố khác theo quy định của vùng hoặc quốc gia.

15. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

Các thông tin pháp luật về an toàn, sức khỏe và môi trường đối với hóa chất
Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

Các thành phần của sản phẩm này được ghi trong danh mục kiểm kê sau:

AICS	: chưa được xác định
DSL	: chưa được xác định
IECSC	: chưa được xác định

16. CÁC THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC, BAO GỒM CÁC THÔNG TIN KHI XÂY DỰNG VÀ HIỆU ĐÍNH PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung : 2025/04/14
gần nhất

Thông tin khác

Nguồn dữ liệu chính dùng để : Dữ liệu kỹ thuật nội bộ, dữ liệu từ Bảng thông tin an toàn
lập Phiếu Dữ liệu An toàn (SDS) nguyên liệu, kết quả tìm kiếm trên Cổng thông tin điện
tử về hóa chất OECD và Cơ quan hóa chất Châu Âu,
<http://echa.europa.eu/>

Các mục nơi đã có những thay đổi so với phiên bản trước được đánh dấu trong phần thân của tài liệu này bằng hai đường thẳng đứng.

Định dạng ngày tháng : năm/tháng/ngày

Toàn bộ nội dung các cụm từ viết tắt khác

ACGIH : Giá trị giới hạn ngưỡng (TLV) USA. ACGIH

ACGIH / TWA : 8 giờ, trung bình tính theo thời gian

AIIC - Kiểm kê Hóa chất Công nghiệp Úc; ANTT - Cơ quan Quốc gia về Vận tải trên Đất liền của Brazil; ASTM - Hiệp hội Hoa Kỳ về Thử nghiệm Vật liệu; bw - Trọng lượng cơ thể; CMR - Chất gây ung thư, chất gây đột biến hoặc ngộ độc sinh sản; DIN - Tiêu chuẩn của Viện Tiêu chuẩn hóa của Đức; DSL - Danh sách các Chất Nội địa (Canada); ECx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng; ELx - Tốc độ chất liệu liên quan đến x% đáp ứng; EmS - Bảng Tình trạng khẩn cấp; ENCS - Hóa chất Hiện có và Mới (Nhật Bản); ErCx - Nồng độ liên quan đến x% đáp ứng tốc độ tăng trưởng; ERG - Hướng dẫn Phản ứng Tình trạng khẩn cấp; GHS - Hệ thống Hải hòa Toàn cầu; GLP -Thực hành tốt phòng kiểm nghiệm; IARC - Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Toàn cầu; IATA - Hiệp hội Hàng không Toàn cầu; IBC - Mã Quốc tế về Xây dựng và Thiết bị Tàu chuyên chở Hóa chất Độc hại; IC50 - Nồng độ ức chế tối đa 50% tăng trưởng ở đối tượng thử nghiệm; ICAO - Tổ chức Hàng không Dân dụng Quốc tế; IECSC - Kiểm kê Hóa chất Hiện có tại Trung Quốc; IMDG - Hàng hải Quốc tế về Hàng nguy hiểm; IMO - Tổ chức Hàng hải Quốc tế; ISHL - Luật Sức khỏe và An toàn ngành (Nhật Bản); ISO - Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế; KECI - Kiểm kê Hóa chất hiện có Hàn Quốc; LC50 - Nồng độ gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm; LD50 - Liều lượng gây chết người đối với 50% đối tượng được thử nghiệm (Liều lượng Gây chết người Trung bình); MARPOL - Quy ước Quốc tế về Phòng chống Ô nhiễm từ Tàu thuyền; n.o.s. - Không được Quy định Khác; Nch - Tiêu chuẩn Chile; NO(A)EC - Không quan sát thấy nồng độ gây tác dụng (bất lợi); NO(A)EL - Không quan sát thấy mức độ gây tác dụng (bất lợi); NOELR - Không quan sát thấy tốc độ chất liệu gây tác dụng phụ; NOM - Tiêu chuẩn Chính thức Mexico; NTP - Chương trình Độc học Quốc gia; NZIoC - Kiểm kê Hóa chất New Zealand; OECD - Tổ chức phát triển và hợp tác kinh tế; OPPTS - Văn phòng phòng chống ô nhiễm và an toàn hóa học; PBT - Chất Độc hại, Bền và Khó phân hủy; PICCS - Kiểm kê Hóa chất Philippines; (Q)SAR -

Oxytetracycline (40%) Formulation

Phiên bản 2.0	Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 2025/04/14	MÃ SỐ PHIẾU CHỈ DẪN AN TOÀN: 11505638-00003	Ngày ban hành cuối cùng: 2025/02/03 Ngày ban hành đầu tiên: 2025/01/24
------------------	--	---	---

(Định lượng) Mỗi quan hệ Hoạt động Cấu trúc; REACH - Quy định (EC) Số 1907/2006 của Hội đồng và Nghị viện châu Âu về Đăng ký, Đánh giá, Cấp phép và Hạn chế Hóa chất; SADT - Nhiệt độ Phân hủy Tự tăng tốc; SDS - Phiếu an toàn hóa chất; TCSI - Kiểm kê Hóa chất Đài Loan; TDG - Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; TECI - Bảng kê khai tồn kho hóa chất hiện tại của Thái Lan; TSCA - Đạo luật Kiểm soát Độc chất (Hoa Kỳ); UN - Liên Hiệp Quốc; UNRTDG - Khuyến nghị của Liên hiệp quốc về Vận chuyển Hàng hóa Nguy hiểm; vPvB - Rất bền và rất Khó phân hủy; WHMIS - Hệ thống Thông tin An toàn Hóa chất Nơi làm việc

Thông tin được cung cấp trong Bảng dữ liệu an toàn này là chính xác nhất theo kiến thức, thông tin và sự tin tưởng của chúng tôi tại ngày công bố. Thông tin chỉ được đưa ra như hướng dẫn để công bố, bỏ, vận chuyển, lưu trữ, xử lý, sử dụng và điều khiển an toàn và sẽ không được xem là sự bảo hành hoặc thông số kỹ thuật về chất lượng của bất kỳ loại nào. Thông tin được cung cấp chỉ liên quan đến tài liệu cụ thể đã nêu tại trang đầu tiên SDS này và sẽ không hợp lệ khi tài liệu SDS được sử dụng liên quan đến bất kỳ tài liệu nào khác hoặc trong bất kỳ quy trình nào, trừ khi được nêu cụ thể trong văn bản. Người dùng tài liệu nên đánh giá thông tin và các đề xuất trong hoàn cảnh cụ thể và theo cách thức điều khiển, sử dụng, xử lý và lưu trữ dự kiến của mình, bao gồm việc đánh giá tính phù hợp của tài liệu SDS trong sản phẩm cuối cùng của người dùng, nếu có thể áp dụng.

VN / VI